

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 02-12-2022  
“*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi  
con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyễn;

Bà Phan Thị Gái.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: Khu phố M, Phường N, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc S; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu phố M, Phường N, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Hiện đã xuất cảnh, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:***

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị ngày 23/9/2014.

Thời gian đầu mới kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bạo lực gia đình. Hiện tại, chị H và anh S đã ly thân được 5 năm. Tháng 8/2022, anh Trần Ngọc S đã xuất khẩu lao động sang Đài Loan.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết những vấn đề sau:

- Về tình cảm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc S.

- Về con chung: Chị H và anh S có 01 con chung là cháu Trần Ngọc K, sinh ngày 02/3/2014. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Công văn số 1304/PA08(Đ1) ngày 07/9/2022, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị xác nhận:** Anh Trần Ngọc S đã xuất cảnh ngày 20/8/2022 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đến cho anh Trần Ngọc S thông qua bố mẹ đẻ của anh S là ông Trần Tiến D và bà Trần Thị C; địa chỉ: Khu phố 2, Phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

**Tại biên bản xác minh ngày 04/11/2022, ông Trần Tiến D và bà Trần Thị C trình bày:**

Hiện anh Trần Ngọc S đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và các ứng dụng Facebook, Messenger, nhưng địa chỉ cụ thể của anh S ở nước ngoài thì ông D, bà C không biết. Quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà C đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh S biết việc chị H có đơn xin ly hôn, đang được TAND tỉnh Quảng Trị thụ lý giải quyết. Anh S có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Chị H và anh S có 01 con chung là cháu Trần Ngọc K, sinh ngày 02/3/2014. Cháu K ở với ông bà nội từ năm cháu 2 tuổi cho đến nay. Nếu ly hôn, anh S có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

**Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 10/11/2022, cháu Trần Ngọc K trình bày:** Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng bố và ông bà nội.

**Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử:

+ Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc S.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc K, sinh ngày 02/3/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Trần Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

*[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:*

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin được ly hôn anh Trần Ngọc S. Theo Công văn số 1304/PA08(Đ1) ngày 07/9/2022 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị xác nhận: Anh Trần Ngọc S đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 20/8/2022, đến nay vẫn chưa nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, vụ án này có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[1.2]. Về thủ tục tố tụng:*

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và người thân của anh S không cung cấp được địa chỉ nơi anh S đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên, anh S vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và các ứng dụng mạng xã hội. Anh S đã được người thân thông báo về việc TAND tỉnh Quảng Trị đang thụ lý, giải quyết vụ án chị H khởi kiện xin ly hôn nhưng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, cư trú nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao về việc “Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tổng đạt kế hoạch giải quyết vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến cho anh S thông qua ông Trần Ngọc Dũng, bà Trần Thị C là bố mẹ đẻ của anh S. Ông D và bà C đã nhận và cam đoan thông báo lại cho anh S nhưng anh S không đến Tòa án để giải quyết việc chị H có yêu cầu xin ly hôn. Do đó Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử.

*[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Ngọc S được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

## **[2]. Về nội dung:**

*[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc S kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị ngày 23/9/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị H xin được ly hôn anh Trần Ngọc S, HĐXX thấy rằng: Thời gian đầu mới kết hôn, chị H và anh S chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị H và anh S đã sống ly thân 05 năm nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Kế hoạch giải quyết vụ án và thông báo cho anh S biết để sắp xếp công việc, tham gia tố tụng. Tòa án triệu tập anh S đến Tòa để hòa giải việc chị H xin ly hôn nhưng anh S không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình, chứng tỏ anh S không có ý thức mong muốn để vợ chồng đoàn tụ. Qua xác minh, ông D và bà C là bố mẹ đẻ của anh S cho biết cuộc hôn nhân giữa chị H và anh S nảy sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Thông qua bố mẹ của mình, anh S cũng đồng ý ly hôn với chị H. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc S theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*[2.2]. Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc S có 01 con chung là cháu Trần Ngọc K, sinh ngày 02/3/2014. Nếu ly hôn, chị H và anh S đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay cháu K đã trên 07 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tại biên bản ghi ý kiến của

con chưa thành niên ngày 10/11/2022, cháu K trình bày nguyện vọng được ở cùng bố và ông bà nội nếu bố mẹ ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái là của bố mẹ đẻ. Hiện nay anh Trần Ngọc S đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ, còn chị Nguyễn Thị H đang ở Việt Nam, có đủ điều kiện nuôi dưỡng con nên cần giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Do hiện tại cháu K đang được ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập và sinh sống ổn định, do đó cháu K vẫn tiếp tục sinh sống tại gia đình ông bà nội, tuy nhiên về mặt pháp lý cháu K phải được giao cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau này khi anh S về nước, nếu có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì có quyền gửi đơn đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền để xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3]. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc S.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc K, sinh ngày 02/3/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số CC/2021/0000154 ngày 29/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (chị H đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND Phường 2, TP Đông Hà;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Việt Trung**